

Số: 03 /QĐ-PCTT

Thái Bình, ngày 11 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt nội dung rà soát, cập nhật Phương án  
Ứng phó theo cấp độ rủi ro thiên tai tỉnh Thái Bình



**BAN CHỈ HUY PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ  
TÌM KIẾM CỨU NẠN TỈNH THÁI BÌNH**

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29/11/2006;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013;

Căn cứ Sổ tay hướng dẫn “Xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai” tại Quyết định số 02/QĐ-TWPCTT ngày 18/02/2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai phối hợp với Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ban hành;

Căn cứ Quyết định số 2220/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án Ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai tỉnh Thái Bình;

Xét đề nghị của Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung rà soát, cập nhật Phương án ứng phó theo cấp độ rủi ro thiên tai tỉnh Thái Bình theo Sổ tay hướng dẫn “Xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai” tại Quyết định số 02/QĐ-TWPCTT ngày 18/02/2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai phối hợp với Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ban hành với các nội dung sau:

1. Cập nhật, bổ sung các căn cứ pháp lý, văn bản quy phạm pháp luật để xây dựng Phương án;
2. Bổ sung một số thiệt hại do thiên tai các năm gần đây;
3. Bổ sung cơ sở hạ tầng kỹ thuật bao gồm: hệ thống công trình thủy lợi, giao thông, thông tin liên lạc;
4. Bổ sung các Phụ lục nguồn nhân lực tham gia vào công tác phòng, chống thiên tai; Phụ lục trang thiết bị dự trữ của Trung ương, địa phương phục vụ Phòng, chống thiên tai, Phụ lục Kế hoạch di dân tránh trú bão;

(Có Phụ lục nội dung rà soát, cập nhật Phương án kèm theo)

**Điều 2.** Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn; Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các sở, ban,

ngành thuộc tỉnh; Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các huyện, thành phố trên cơ sở Phương án đã được rà soát, cập nhật triển khai, thực hiện chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả, đảm bảo hạn chế thấp nhất về người và tài sản do thiên tai gây ra.

**Điều 3.** Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh; Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

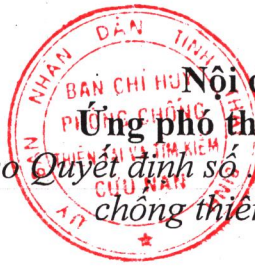
- Như Điều 3;
- Ban Chỉ đạo TW về PCTT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT, UBND tỉnh;
- LĐ VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Thành viên BCHPCTT và TKCN tỉnh;
- Lưu VT.

(để b/c)



**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Đình Vĩnh Thụy**



## PHỤ LỤC

**Nội dung rà soát, cập nhật Phương án  
Ứng phó theo cấp độ rủi ro thiên tai tỉnh Thái Bình**  
(Kèm theo Quyết định số 02/QĐ-PCTT ngày 11/9/2020 của Ban Chỉ huy Phòng,  
chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Thái Bình)

1. Cập nhật, bổ sung các căn cứ pháp lý, văn bản quy phạm pháp luật để xây dựng Phương án tại “**Mục I. Căn cứ pháp lý, thuộc Phần thứ nhất: Cơ sở pháp lý, mục đích và ý nghĩa xây dựng phương án**”. Cụ thể:

- Luật số 60/2020/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020 của Quốc Hội;

- Căn cứ Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

- Căn cứ Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

- Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-TTg ngày 13/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;

- Quyết định số 2141/QĐ-UBND ngày 23/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án hiện đại hóa hệ thống thủy lợi tỉnh Thái Bình giai đoạn 2014-2020 và những năm tiếp theo.

- Quyết định số 2220/QĐ-UBND ngày 25/9/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án Ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai tỉnh Thái Bình.

- Quyết định số 797/QĐ-UBND ngày 23/4/2015 của UBND tỉnh Phê duyệt Phương án triển khai ứng phó với tình huống bão mạnh, siêu bão tỉnh Thái Bình.

- Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Ứng phó sự cố sập đổ công trình, nhà cao tầng trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2020.

- Quyết định số 40/QĐ-BCHPCTT ngày 11/3/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Thái Bình.

- Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 18/4/2019 của UBND tỉnh về phối hợp ứng phó tai nạn hàng không dân dụng.

- Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 của UBND tỉnh về tổ chức hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai;

- Quyết định số 736/QĐ-UBND ngày 11/3/2020 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh Thái Bình ban hành theo Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 của UBND tỉnh.

2. Bổ sung một số thiệt hại do bão đổ bộ năm 2016 tại “**Mục II. Điều kiện tự nhiên và sự cần thiết xây dựng phương án thuộc Phần thứ nhất: Cơ sở pháp lý, mục đích và ý nghĩa xây dựng phương án**”. Cụ thể:

Trận bão số 1 năm 2016 có gió mạnh cấp 10, giạt cấp 13 đến cấp 15, gây mưa to đến rất to, lượng mưa các nơi trong tỉnh dao động từ 110-265mm, do bão số 1 khi vào gần bờ đột ngột dừng lại và di chuyển chậm nên đã gây ra thiệt hại rất lớn đến cơ sở hạ tầng như giao thông, thủy lợi, điện lực, thông tin liên lạc, tài sản, lúa hoa màu, phương tiện đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản tại hầu hết các địa phương trong tỉnh, đặc biệt là hai huyện Tiền Hải và Thái Thụy.

3. Bổ sung cơ sở hạ tầng kỹ thuật bao gồm: hệ thống công trình thủy lợi, giao thông, thông tin liên lạc hiện có của tỉnh tại “**Mục II. Nguồn lực cơ sở vật chất thuộc Phần thứ ba: phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai tỉnh Thái Bình**”. Cụ thể:

- Hệ thống giao thông: Mạng lưới giao thông đường bộ của tỉnh phân bố hợp lý, toàn tỉnh có 04 tuyến quốc lộ gồm: quốc lộ 10, quốc lộ 39, quốc lộ 37 và quốc lộ 37B với tổng chiều dài 151km. Đường tỉnh có 33 tuyến dài 284,41km. Hệ thống đường giao thông nông thôn gồm đường huyện (thành phố) dài 788,46km; đường trục xã và thôn dài 4053,1km. Chất lượng đường không ngừng được nâng cấp lên. Quốc lộ, tỉnh lộ, đường nội thị được mở rộng, nâng cấp, được rải thảm bê tông nhựa. Hệ thống giao thông nông thôn được cứng hóa mặt đường bằng đá, nhựa và bê tông xi măng. 100% xã, phường có đường ô tô về trung tâm xã tạo thành 1 hệ thống khép kín từ tỉnh về huyện, xuống tận các xã, bảo đảm được sự thông suốt trong mọi thời tiết. Những năm gần đây được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước tỉnh Thái Bình đã xây dựng và nâng cấp được hệ thống giao thông của tỉnh như: Đường vành đai ven biển, đường ĐT454, đường 221A, đường Thái Bình - Hà Nam, đường và cầu Lạc Tiến... Công tác đầu tư xây dựng đúng định hướng giúp hạ tầng giao thông được cải thiện, tạo thuận lợi cho giao thông đi lại, góp phần kích cầu và phát triển kinh tế, xã hội, phục vụ công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Hệ thống công trình thủy lợi:

+ Hệ thống đê điều: Có 356,3 km đê trung ương gồm 6 tuyến đê sông gồm: Hồng Hà I, Hồng Hà II, Tả Trà Lý, Hữu Trà Lý, Hữu Luộc và Hữu Hoá với tổng chiều dài 227,6 km; 6 tuyến đê cửa sông gồm: cửa sông tả Hồng, cửa sông hữu Trà Lý, cửa sông tả Trà Lý, cửa sông hữu Diêm Hộ, cửa sông tả Diêm Hộ, cửa sông hữu Hoá với tổng chiều dài 57,3km; 4 tuyến đê biển là đê biển 5, 6, 7, 8 với chiều dài là 71,4 km còn lại là đê bao, đê bồi, đê vùng.

Hệ thống đê điều có 103 kè bờ trên các tuyến đê cấp I, II, III; 12 kè trên các tuyến đê bồi và 10 kè trên các tuyến đê cửa sông chưa được phân cấp với tổng chiều dài trên 160 km kè lát mái và trên 50 kè mỏ; 189 công dưới đê cấp I, II, III lớn nhỏ làm nhiệm vụ tưới, tiêu nước và phòng chống lụt bão.

+ Hệ thống công trình thủy lợi nội đồng: có 1.541 trạm bơm điện các loại, 2.297 công đập nội đồng, 150,5 km sông trục chính, 461,5 km sông trục cấp I, 889,6 km sông trục cấp II, 7.712 km kênh mương các cấp.

- Hệ thống thông tin liên lạc: Kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thái Bình; Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo. Công tác chuẩn bị nguồn nhân lực phục vụ cho ứng dụng và phát triển CNTT được tỉnh quan tâm, bước đầu đã xây dựng được đội ngũ cán bộ chuyên môn đủ trình độ và năng lực đảm đương các nhiệm vụ cơ bản của ngành, lĩnh vực. Các đơn vị, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Thông tin và Truyền thông trên địa bàn tỉnh Thái Bình, trong đó Bưu điện tỉnh Thái Bình, Viễn thông Thái Bình, Viettel Thái Bình, Mobifone Thái Bình, Chi nhánh FPT Thái Bình và Trung tâm Truyền hình cáp Thái Bình là các đơn vị chủ lực trong công tác PCTT và TKCN của ngành và của tỉnh, có trách nhiệm xây dựng phương án PCTT & TKCN của đơn vị, kế hoạch phối hợp với các đơn vị có liên quan, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, phục vụ công tác PCTT trong mọi tình huống; ưu tiên các vị trí trọng điểm xung yếu. Khả năng tiếp nhận thông tin của hệ thống PCTT tại các cấp trong tỉnh tương đối đa dạng và mang tính chuyên nghiệp. Tiếp nhận và truyền đạt thông tin đến người dân bằng nhiều hình thức như: Fax, mạng internet, thông tin truyền thống bằng văn bản giấy, email, điện thoại; thời gian qua địa phương đã ứng dụng đa dạng các loại hình truyền thông, mạng xã hội để tương tác với người dân chịu ảnh hưởng của thiên tai: Hệ thống phát thanh, truyền hình, báo trí, trang mạng xã hội Facebook, Zalo... Đây được coi là những phương thức truyền tải thông tin có mức độ tương tác rất nhanh với người dân. Ngoài ra, tỉnh đã chỉ đạo các nhà mạng viễn thông trong tỉnh thực hiện việc nhắn tin cảnh báo thiên tai qua tin nhắn SMS. Tình hình, hướng di chuyển của bão được gửi tới người dân thường xuyên, liên tục để người dân biết, chủ động phòng tránh và có kế hoạch sản xuất phù hợp, đảm bảo an toàn cho người và tài sản.

4. Bổ sung các Phụ lục nguồn nhân lực tham gia vào công tác phòng, chống thiên tai; Phụ lục trang thiết bị dự trữ của Trung ương, địa phương phục vụ Phòng, chống thiên tai, Phụ lục Kế hoạch di dân tránh trú bão (Có Phụ lục chi tiết kèm theo) tại **“Mục A. Công tác chuẩn bị nguồn nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị thuộc Phần thứ ba: phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai tỉnh Thái Bình”**.



**BẢNG TỔNG HỢP**  
**KẾ HOẠCH CHUẨN BỊ NHÂN LỰC CHỈ HUY, ĐIỀU HÀNH PHÒNG CHỐNG**  
**THIÊN TAI - TÌM KIẾM CỨU NẠN TỈNH THÁI BÌNH**



TT	Ban Chỉ huy	Số lượng (người)
1	Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh	50
2	Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các Sở, ban, ngành	680
3	Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn UBND các huyện, thành phố	490
4	Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các xã, phường, thị trấn	2.600
	<b>Tổng</b>	<b>3.820</b>





**BẢNG TỔNG HỢP**  
**KẾ HOẠCH CHUẨN BỊ NHÂN LỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI - TÌM KIẾM CỨU NẠN**  
**CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ**

TT	Tên huyện	Canh coi (người)	Giải tỏa (người)	Cử sách (người)	Xung kích (người)	Tiếp vận (người)	Giao thông hỏa tốc (người)	Bồi lợi (người)	Y tế, cứu thương (người)
1	Hưng Hà	576		700	3.500	1.050	84		
2	Quỳnh Phụ	474		1.030	4.400	3.590	139	140	42
3	Đông Hưng	276		540	3.420	3.480	190	90	190
4	Thái Thụy	420		1.495	5.720		132		
5	Vũ Thư	888	450	540	2.700				
6	Kiến Xương	312		312	3.036	3.960	114	50	99
7	Tiền Hải	17		780	4.800		96		320
8	Thành Phố	276			2.320	1.880	57		57
	<b>Tổng</b>	<b>3.239</b>	<b>450</b>	<b>5.397</b>	<b>29.896</b>	<b>13.960</b>	<b>812</b>	<b>280</b>	<b>708</b>







ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

PHỤ LỤC  
KẾ HOẠCH BỐ TRÍ NHÂN LỰC HUY ĐỘNG CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH THÁI BÌNH

Stt	Các Sở, Ngành	NHÂN LỰC																		Tổng cộng			
		Huyện, Thành Phố																		Tại chỗ	Tăng cường		
		Thành Phố		Vũ Thư		Kiến Xương		Hưng Hà		Quỳnh Phụ		Đông Hưng		Tiền Hải		Thái Thụy							
Tại chỗ	Tăng cường	Tại chỗ	Tăng cường	Tại chỗ	Tăng cường	Tại chỗ	Tăng cường	Tại chỗ	Tăng cường	Tại chỗ	Tăng cường	Tại chỗ	Tăng cường	Tại chỗ	Tăng cường	Tại chỗ	Tăng cường	Tại chỗ	Tăng cường				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)					
1	Bộ đội Biên phòng	140																			325	0	
2	Quân sự	1570	97	3332	97	3834	97	3065	140	3654	132	3634	97	4288	220	4188	220				27565	1100	
3	Công an ( bao gồm Công an xã, phường..)	109	80	30	70	30	70	30	70	30	70	428	80	30	70	60	50				738	560	
3.1	Các phòng Công an tỉnh																						
4	Cảnh sát PCCC																						
5	Sở Y tế																						
6	Điện lực																						
6.1	Các phòng và P.Xưởng	100	30	70	30	70	30	70	30	70	30	70	30	80	30	80	30				610	240	
7	Sở Giao thông																					150	
8	Dân quân tự vệ, canh coi, cử sách																						
9	Sở Công Thương																						

Chú giải: - Tại chỗ: là lực lượng đóng quân thường trực trên địa bàn

- Tăng cường: Là lực lượng được huy động từ nơi khác về các địa phương.



PHỤ LỤC KẾ HOẠCH DI DÂN TRÁNH BÃO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH

TT	Huyện, Thành phố	Khu vực sơ tán										Phương tiện sơ tán	Ghi chú			
		Tổng số nhà yếu cần dời	Tổng số hộ dân cần dời	Tổng số dân cần di dời	Số người/Số chòi ngao	Số người/Số đầm	Diện tích nuôi trồng thủy hải sản (Ha)	Số hộ sống ngoài đê chính	Số dân sống ngoài đê chính	KH	KH					
1	Thành Phố	1.030	1.030	2.370	0	0	0	0	0	0	0	48	144	144	Ô tô, xe máy, xe đạp	
2	Vũ Thư	1.474	1.474	2.526									12.169	44.168	nt	
3	Kiến Xương	976	1.349	2.930	0	0	0	0	0	195	195	1.255	3.488	3.488	nt	
4	Đông Hưng	776	776	2.111			1/1					71	179	179	nt	
5	Quỳnh Phụ	1.139	1.139	2.004	0	0	0	0	0	1.050	1.050	350	1.200	1.200	nt	
6	Hưng Hà	524	679	1.343	0	0	0	0	0			59	133	133	Xe máy, đi bộ	
7	Thái Thụy	1.233	2.439	5.731	235/232	840/652	840/652	840/652	840/652	4.347	4.347	302	2.494	2.494	Ô tô, xe máy, xe đạp	
8	Tiền Hải	358	358	757	1146/1060	631/370	631/370	631/370	631/370	4.890	4.890	229	632	632	Ô tô, xe máy, xe đạp	
	<b>Tổng</b>	<b>7510</b>	<b>9244</b>	<b>19772</b>	<b>1281 /1164</b>	<b>1907/1216</b>	<b>1907/1216</b>	<b>1907/1216</b>	<b>1907/1216</b>	<b>10482</b>	<b>10482</b>	<b>14483</b>	<b>52438</b>	<b>52438</b>		





**PHỤ LỤC VẬT TƯ DỰ TRÙ PCLB TẠI CÁC KHO CỦA TỈNH THÁI BÌNH**

**A/ VẬT TƯ TRUNG ƯƠNG**

Chứng loại V.Tư	Đá học	Đá dăm	Cát vàng	Bao ny lông	Bao tải Jumbo	Màng HDPE	Vải lọc	Rọ thép	Dây thép	Bạt chống sóng	Phao cứu sinh	Nhà bạt
Nội dung	m <sup>3</sup>	m <sup>3</sup>	m <sup>3</sup>	(chiếc)	(chiếc)	m <sup>2</sup>	m <sup>2</sup>	(chiếc)	(Kg)	m <sup>2</sup>	(chiếc)	(bộ)
Có đến 15/3/2019	55.508,6	1.012	0	254.366	-	-	8.233,5	6.412	23.780	64.100	3.500	52
Bổ sung 2019	0	0	0	0	2100	2400	0	0	0	0	0	0
Sử dụng hết 2019	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Thanh lý	-	-	-	-	-	-	-	-	-	500	-	-
Có đến 03/3/2020	55.508,6	1.012	-	254.366	2.100	2.400	8.233,5	6.412,0	23.780	63.600	3.500	52

**B/ VẬT TƯ ĐỊA PHƯƠNG**

Chứng loại V.Tư	Đá học	Đá dăm	Bao ny lông	Cước	Xéng	Xà beng	Dao tông	Áo phao	Phao cứu sinh	Cửa cá mập	Nhà bạt	Gim bạt	Cần cuốc
Nội dung	m <sup>3</sup>	m <sup>3</sup>	(chiếc)	(cái)	(cái)	(cái)	(chiếc)	(chiếc)	(chiếc)	(chiếc)	(bộ)	(chiếc)	xéng (chiếc)
Có đến 15/3/2019	3.863,6	39,4	181.437	405	1.810	11	146	5.587	10.667	12	265	6.900	1.000
Bổ sung 2019	0	0	0	0	0	0	0	1.770	1.000	0	104	0	0
Sử dụng hết 2019	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Thanh lý, cấp phát	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Có đến 03/3/2020	3.863,6	39,4	181.437	405	1.810	11	146	7.357	11.667	12,0	369,0	6.900	500

